TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ- ST
Ngày 12/04/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toản - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12/04/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2017/TLST- HNGD ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐST- HNGĐ ngày 09/03/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn T, xã Tiến D, huyện Y, tỉnh B; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Tiến D, huyện Y, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Dương Văn N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã Tiến D, huyện Y, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Dương Văn N vào ngày 10/09/2010; trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu thoả thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiến D, huyện Y. Cưới xong vợ chồng về

chung sống với nhau ngay tại thôn T, xã Tiến D, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến tháng 01 năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N chơi bời, cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Từ đó vợ chồng nhiều lần vợ chồng xảy ra xô xát, cãi cọ lẫn nhau; đến tháng 3 năm 2015, chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã Tiến D sinh sống. Từ khi chị bỏ về gia đình mẹ đẻ, anh N không quan tâm gì đến chị nữa, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Dương Thị T, sinh ngày 24/07/2010; hiện đang ở cùng anh Nam, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, số nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, chị không đề nghị Toà án giải quyết.

+ Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh N, nhưng anh N không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc. Tại phiên toà hôm nay, anh N vắng mặt không có lý do.

+ Về ý kiến của con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2018, cháu Dương Thị T đề nghị được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn vì cháu muốn được mẹ chăm sóc, cũng như mẹ có điều kiện để nuôi dưỡng giúp cháu học hành tốt hơn.

+ Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Tòa án không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51,

56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn N; về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con chung là Dương Thị T, sinh ngày 24/07/2010; về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị L không đặt ra giải quyết. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng luật tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng bị đơn anh Dương Văn N vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay; thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, chị L cho rằng anh N chơi bời, cờ bạc không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ nhau. Chính quyền địa phương đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa hôm nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị được ly hôn; anh N không có tác động gì để vợ chồng về đoàn tụ. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Dương Thị T, sinh ngày 24/07/2010; hiện nay đang ở cùng anh N, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Vợ chồng ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi con chung. Bản thân cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ vì cháu ở với mẹ sẽ được chăm sóc tốt hơn cũng như được đảm bảo về việc học hành. Do vậy, cần giao con chung cho

chị L trực tiếp nuôi dưỡng; sau khi vợ chồng ly hôn anh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 81 luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn N.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con chung là Dương Thị T, sinh ngày 24/07/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi vợ chồng ly hôn, anh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0001548 ngày 27/12/2017 ở Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Toản